

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
CỤC AN TOÀN HỆ THỐNG CÁC TCTD

BẢN THUYẾT MINH

**Thông tư phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

**1.1.** Triển khai Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số".

**1.2.** Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

**1.3.** Điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng:

*“c) Các nội dung phương án cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại Thông tư, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ động xây dựng, ban hành Thông tư để tổ chức thực thi theo đúng thẩm quyền.”*

**1.4.** Khoản 1 Điều 50b Luật Lý lịch tư pháp (đã sửa đổi, bổ sung) có hiệu lực từ 01/7/2026 quy định:

**“Điều 50b. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp**

*1. Khi có yêu cầu sử dụng thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Luật này được khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; không yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Thông tin lý lịch tư pháp được khai thác theo quy định tại khoản này có giá trị như Phiếu lý lịch tư pháp.”*

**1.5.** Điểm 1a Quyết định số 464/TTg-CĐS ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh:

*“a) Các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương triển khai, hướng dẫn thi hành các Nghị quyết đã được Chính phủ ban hành, nhất là các trình tự, thủ tục để triển khai các TTHC đã phân cấp về cho các địa phương; ban hành theo thẩm quyền các văn bản sửa đổi, bổ sung bảo đảm đồng*

bộ, thống nhất với các Nghị quyết của Chính phủ; hoàn thành trước ngày 20 tháng 5 năm 2026. Trường hợp phát sinh vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”.

**1.6.** Điểm 2 Công văn số 484/TTg-CĐS ngày 09/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ:

“2. Các Bộ: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Dân tộc và Tôn giáo; Xây dựng; Ngoại giao; Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an; Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khẩn trương hoàn thành việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD còn cần phải tiếp tục thực hiện tại điểm c mục 1, điểm c mục 2, điểm c mục 3 Báo cáo số 312/BC-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tư pháp (bản chụp kèm theo), hoàn thành trước ngày 20 tháng 5 năm 2026; báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tư pháp trước ngày 22 tháng 5 năm 2026”.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Trên cơ sở rà soát các Thông tư của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), thực hiện chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, cần thiết phải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Thống đốc NHNN trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp TTHC, góp phần hỗ trợ giảm thiểu chi phí thực hiện TTHC cho tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài (CNNHNNg) nhằm tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các TCTD, CNNHNNg.

## **II. NGUYÊN TẮC, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

- DTTT được xây dựng để thực hiện Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung các TTHC theo hướng: (i) Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; (ii) Giao thẩm quyền giải quyết TTHC trên cơ sở Phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp TTHC đã được báo cáo các cấp có thẩm quyền (sau đây gọi tắt là Phương án); (iii) DTTT cũng rà soát để sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan khác (chưa có trong Phương án) nhằm đảm bảo thống nhất với việc cắt giảm, đơn giản hóa và phân cấp các TTHC nêu trong Phương án; và (iv) Sửa đổi, bổ sung một số quy định không thuộc Phương án nhưng cần thiết sửa đổi ngay do cần đảm bảo nguyên tắc phân cấp ngay đối với TTHC cần phân cấp hoặc cần sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan.

## **III. TÊN VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ (DTTT)**

### **1. Tên DTTT**

Thông tư phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

### **2. Bố cục của DTTT**

DTTT được xây dựng gồm 15 Chương, 57 Điều:

Chương I: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 của Thống đốc NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD Việt Nam (đã sửa đổi, bổ sung).

Chương II: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại (NHTM), CNNHNNg, văn phòng đại diện tại Việt Nam của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung).

Chương III: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2024/TT-NHNN 24/12/2024 quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của NHTM, CNNHNNg, văn phòng đại diện nước ngoài (đã sửa đổi, bổ sung).

Chương IV: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 57/2024/TT-NHNN 24/12/2024 quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của TCTD phi ngân hàng (đã sửa đổi, bổ sung).

Chương V: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 62/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại NHTM, TCTD phi ngân hàng.

Chương VI: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 63/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của TCTD, CNNHNNg; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (đã sửa đổi, bổ sung).

Chương VII: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của NHTM, CNNHNNg và TCTD phi ngân hàng (đã sửa đổi, bổ sung).

Chương VIII: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 47/2025/TT-NHNN ngày 15/12/2025 hướng dẫn thủ tục chấp thuận của NHNN đối với việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài của TCTD cổ phần.

Chương IX: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 49/2025/TT-NHNN ngày 29/12/2017 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của TCTD phi ngân hàng.

Chương X: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của NHTM, CNNHNNg.

Chương XI: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 55/2025/TT-NHNN ngày 26/12/2025 quy định cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của TCTC phi ngân hàng.

Chương XII: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 60/2025/TT-NHNN ngày 30/12/2025 quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của TCTD.

Chương XIII: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 61/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về mạng lưới hoạt động của NHTM.

Chương XIV: Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐCP của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Chương XV: Điều khoản thi hành.

#### IV. THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG TẠI DTTT

STT	Quy định hiện tại	DTTT	Lý do
	<p align="center"><b>THÔNG TƯ SỐ 38/2014/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 48/2025/TT-NHNN</b></p>	<p align="center"><b>Chương I SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 38/2014/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 48/2025/TT-NHNN</b></p>	
	<p><b>- Khoản 7 Điều 5 quy định:</b> 7. Trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: a) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; c) Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; d) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài.</p>	<p><b>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 5</b> 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau: “7. Trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: a) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; b) <del>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;</del> b) Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; d) <del>Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài.”</del> 2. Bãi bỏ khoản 9.</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại số thứ tự 24, 25, 26 Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN.</p>

	<p><b>- Khoản 9 Điều 5 quy định:</b> 9. Bảng liệt kê danh mục hồ sơ.</p>		
	<p><b>Điểm d khoản 1 Điều 8 quy định:</b> d) Bảng liệt kê danh mục hồ sơ</p>	<p><b>Điều 2. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 8</b></p>	<p>Thực hiện chỉnh sửa để thống nhất với việc bãi bỏ khoản 9 Điều 5 Thông tư này.</p>
	<p><b>Khoản 3 Điều 12 quy định:</b> 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, văn bản của Ngân hàng Nhà nước phải nêu rõ lý do.</p>	<p><b>Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12</b> “3. Trong thời hạn <i>19 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, văn bản của Ngân hàng Nhà nước phải nêu rõ lý do.”</p>	<p>- Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại Số thứ tự 24, 25, 26 Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 này 06/5/2026 của Văn phòng NHNN và để phù hợp với Phụ lục I.7 đính kèm Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Riêng đối với TTHC số 24 về Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên hoặc mua thêm cổ phần khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam thời gian TTHC rút ngắn từ 30 ngày xuống còn 25 ngày đã được sửa đổi thống nhất là 19 ngày làm việc (do 25 ngày tương đương với 19 ngày làm việc) nên sửa đổi thống nhất tại DTTT là 19 ngày làm việc.</p>

<p><b>THÔNG TƯ SỐ 34/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VIỆC CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP, CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY PHÉP VÀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 66/2025/TT-NHNN</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương II</b></p> <p><b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 34/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VIỆC CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP, CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY PHÉP VÀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 66/2025/TT-NHNN</b></p>	
<p><b>Điểm b khoản 1 Điều 9 quy định:</b> b) Danh mục các nội dung hoạt động kèm bản chụp từ Giấy phép hiện hành và các văn bản chấp thuận khác của Ngân hàng Nhà nước (nếu có).</p> <p><b>Điểm đ(i) khoản 2 Điều 9 quy định:</b> đ) Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản này, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bổ sung các tài liệu sau: (i) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và quốc tế;</p>	<p><b>Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 9</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau: <i>b) Danh mục các nội dung hoạt động kèm theo thông tin Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận.”</i></p> <p>2. Bãi bỏ điểm đ(i) khoản 2.</p>	<p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 8 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p>
<p><b>Điểm c khoản 2 Điều 11 quy định:</b> c) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài. Đồng thời, có văn bản thông tin đến Ngân hàng Nhà nước chi</p>	<p><b>Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 11</b></p> <p>“c) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài. Đồng thời, có văn bản thông tin đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi văn</p>	<p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 9 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p>

<p>nhánh nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p>phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p>	
<p><b>THÔNG TƯ SỐ 56/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LẦN ĐẦU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 12/2025/TT-NHNN</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương III</b></p> <p><b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 56/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LẦN ĐẦU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 12/2025/TT-NHNN</b></p>	
<p><b>Khoản 2 Điều 6 quy định:</b></p> <p>2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (bộ phận Một cửa) để đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy phép từ bản gốc theo quy định của pháp luật và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao từ bản gốc cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.</p>	<p><b>Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6</b></p> <p>“2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (bộ phận Một cửa) để đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy phép từ bản gốc theo quy định của pháp luật và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trong thời hạn <i>02 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao từ bản gốc cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.”</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại số thứ tự 14 (Thủ tục đề nghị cấp lại bản sao Giấy phép từ bản gốc của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài) Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN.</p>
<p><b>Điểm b khoản 2 Điều 7 quy định:</b></p> <p>b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước</p>	<p><b>Điều 7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7</b></p> <p>“b) Trong thời hạn <i>30 ngày</i> kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại Số thứ tự 17 (Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài) Mục I Phụ lục III</p>

<p>chi nhánh có văn bản trả lời tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.</p>	<p>văn bản trả lời tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.”</p>	<p>đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN.</p>
<p><b>Điểm b khoản 4 Điều 11 quy định:</b>  b) Phiếu lý lịch tư pháp:  (i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;  (ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trường Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;  (iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm b(i) và b(ii) của Khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không quá 06 tháng;  Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu</p>	<p><b>Điều 8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11</b>  <i>“b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trường Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng; Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị Cấp giấy phép không quá 06 tháng;”</i></p>	<p>Thực hiện phương án cắt giảm TTHC tại số thứ tự 15 (Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần sau khi chấp thuận nguyên tắc) Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN.</p>

<p>lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);</p>		
<p><b>Điểm a(iii) Khoản 3 Điều 12 quy định:</b> “(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cô đồng sáng lập phải có thêm các văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này,</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập, doanh nghiệp, hợp tác xã; Cô đồng sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);</li> <li>- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp do cô đồng sáng lập quản lý hoặc Bản sao có chứng thực văn bằng đại học hoặc trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán;</li> <li>- Bảng kê khai các loại tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, các khoản nợ và tài liệu chứng minh theo</li> </ul>	<p><b>Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 12</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm a(iii) khoản 3 như sau: “(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cô đồng sáng lập phải có thêm các văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li><del>Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập, doanh nghiệp, hợp tác xã; Cô đồng sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);</del></li> <li>- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp do cô đồng sáng lập quản lý hoặc Bản sao có chứng thực văn bằng đại học hoặc trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán;</li> <li>- Bảng kê khai các loại tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, các khoản nợ và tài liệu chứng minh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;”</li> </ul> <p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm b(vii) khoản 3 như sau:</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại Số thứ tự 15, 16 (Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần sau khi chấp thuận nguyên tắc) Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp đổi với cá nhân quy định tại điểm a (iii) khoản 3 chỉ quy định đối với cá nhân là người mang quốc tịch Việt Nam (điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định 162/2024/NĐ-CP) nên theo quy định tại Luật lý lịch tư pháp sửa đổi năm 2025 thì NHNN không quy định cung cấp thành phần hồ sơ là Phiếu lý lịch tư pháp đối với các cá nhân có quốc tịch Việt Nam.</li> <li>- Điểm b(vii) khoản 3 chỉ quy định cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có</li> </ul>

<p>mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p><b>Điểm b(vii) khoản 3 Điều 12 quy định như sau:</b></p> <p>“(vii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này; Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);</li> <li>- Báo cáo tài chính 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;</li> <li>- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho góp vốn thành lập ngân hàng đối với trường hợp tổ chức là doanh nghiệp Nhà nước;</li> </ul>	<p>“(vii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này; Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người không có quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích;</i></li> <li>- Báo cáo tài chính 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;</li> <li>- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho góp vốn thành lập ngân hàng đối với trường hợp tổ chức là doanh nghiệp Nhà nước;”</li> </ul>	<p>giá trị tương đương đối với cá nhân là người không có quốc tịch Việt Nam (đối với cá nhân là quốc tịch Việt Nam là người đại diện vốn góp thì không phải nộp hồ sơ là Phiếu lý lịch tư pháp để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật lý lịch tư pháp sửa đổi năm 2025.</p>
<p><b>Khoản 3 Điều 13 quy định:</b></p>	<p><b>Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13</b></p>	<p>- Căn cứ phương án cắt giảm</p>

<p>3. Hồ sơ của thành viên sáng lập ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp không phải là ngân hàng gồm các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư này, trừ đơn mua cổ phần.</p>	<p>“3. Hồ sơ của thành viên sáng lập ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp không phải là ngân hàng gồm các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư này, trừ thành phần hồ sơ: <i>Điều lệ của tổ chức là ngân hàng thương mại; Đơn mua cổ phần; Báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại Việt Nam 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.</i>”</p>	<p>TTHC tại Số thứ tự 16 (Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài) Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN. liên doanh.</p> <p>- Bỏ thành phần hồ sơ Báo cáo tài chính đã kiểm toán của ngân hàng thương mại Việt Nam. Tuy nhiên, ngân hàng thương mại Việt Nam là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh vẫn phải đáp ứng quy định về việc Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 5 năm trước thời điểm nộp hồ sơ và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Theo đó, Cục ATHT đề xuất bổ sung vào nội dung cam kết trong Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng theo mẫu tại Phụ lục 04 về việc: <i>“Cam kết đảm bảo Báo cáo tài chính của Ngân hàng thương mại Việt Nam là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh 05 năm liên tiếp liền</i></p>
--	---	---

			<p>kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.”. Việc bổ sung nội dung cam kết này tại Đơn đề nghị cấp phép thành lập không làm tăng thêm thủ tục, hồ sơ mà chỉ làm tăng thêm tính tự chịu trách nhiệm của ngân hàng thương mại Việt Nam trong việc tuân thủ quy định về việc báo cáo tài chính không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.</p>
		<p><b>Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 04</b>  <i>Thay thế đoạn “Chúng tôi xin cam kết:</i>  - <i>Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.</i>  - <i>Thực hiện đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</i>  - <i>Các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.</i>  - <i>Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của ngân hàng”</i>  bằng đoạn “Chúng tôi xin cam kết:  - <i>Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.</i>  - <i>Thực hiện đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</i>  - <i>Các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập,</i></p>	<p>Bổ sung nội dung cam kết này tại Đơn đề nghị cấp phép thành lập theo mẫu Phụ lục 04 Thông tư số 56/2024/TT-NHNN (đã sửa đổi, bổ sung) không làm tăng thêm thủ tục, hồ sơ mà chỉ làm tăng thêm tính tự chịu trách nhiệm của ngân hàng thương mại Việt Nam trong việc tuân thủ quy định về việc báo cáo tài chính không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.</p>

		<p><i>cổ đông chiến lược không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.</i></p> <p><i>- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của ngân hàng.</i></p> <p><i>- Báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại Việt Nam là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.”.</i></p>	
	<b>THÔNG TƯ SỐ 57/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LẦN ĐẦU CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 12/2025/TT-NHNN</b>	<b>Chương IV</b> <b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 57/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LẦN ĐẦU CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 12/2025/TT-NHNN</b>	
	<b>Khoản 2 Điều 6 quy định:</b> 2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (bộ phận Một cửa) để đề nghị xem xét cấp bản sao Giấy phép từ bản gốc theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao Giấy phép từ bản gốc cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	<b>Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6</b> “2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (bộ phận Một cửa) để đề nghị xem xét cấp bản sao Giấy phép từ bản gốc theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao Giấy phép từ bản gốc cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng.”	Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại Số thứ tự 19 (Thủ tục cấp lại bản sao Giấy phép từ bản gốc cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng) Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN.
	<b>Điểm b khoản 5 Điều 11 quy định:</b> “b) Phiếu lý lịch tư pháp: (i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam:	<b>Điều 13. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 11</b> “b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: <i>Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương</i>	Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại Số thứ tự 18 (Thủ tục cấp Giấy phép thành lập

<p>Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;</p> <p>(ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trường Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;</p> <p>(iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm b(i) và b(ii) phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng; Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích;</p>	<p><i>(có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trường Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;</i></p> <p><i>Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng;”</i></p>	<p>và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng) Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN.</p>
---	---	---

<p>thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);</p>		
<p><b>Điểm a(iii) Khoản 3 Điều 12 quy định:</b>  “(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:  - Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;  - Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã; Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);</p> <p>- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;  - Báo cáo tài chính của doanh nghiệp mà cổ đông sáng lập là người quản lý trong ít nhất 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc bản sao bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p> <p><b>Điểm b(vi) khoản 3 Điều 12 quy định:</b>  “(vi) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:  - Sơ yếu lý lịch của người được cử đại diện phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm</p>	<p><b>Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12</b>  1. Sửa đổi, bổ sung điểm a(iii) khoản 3 như sau:  “(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:  - Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;  <del>– Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã; Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);</del>  - Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;  - Báo cáo tài chính của doanh nghiệp mà cổ đông sáng lập là người quản lý trong ít nhất 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc bản sao bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;”</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm b(vi) khoản 3 như sau:  “(vi) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:  - Sơ yếu lý lịch của người được cử đại diện phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại Số thứ tự 18 (Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng) Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN.  Phiếu lý lịch tư pháp đối với cá nhân quy định tại điểm a (iii) khoản 3 chỉ quy định đối với cá nhân là người Việt Nam nên theo quy định tại Luật lý lịch tư pháp sửa đổi năm 2025, theo đó NHNN không quy định cung cấp thành phần hồ sơ là Phiếu lý lịch tư pháp đối với các cá nhân có quốc tịch Việt Nam. Điểm b(vi) khoản 3 chỉ quy định cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương đối với cá nhân là người không có quốc tịch Việt Nam.</p>

<p>theo Thông tư này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp của người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);</li> <li>- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>- Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;</li> <li>- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người không có quốc tịch Việt Nam là người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích;</i></li> <li>- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>- Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;</li> <li>- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng của tổ chức không phải là ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này; Văn</li> </ul>	
---	--	--

<p>của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này; Văn bản Xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.</p>	<p>bản Xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.”</p>	
<p><b>Điểm c khoản 6 Điều 13 quy định:</b> c) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này, Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập doanh nghiệp. Người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã).</p> <p><b>Điểm a (ii) khoản 7 Điều 13 quy định:</b> “(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp</p>	<p><b>Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 13</b> 1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau: c) <i>Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người không có quốc tịch Việt Nam là đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về cấm thành lập doanh nghiệp; Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp không có thông tin về cấm thành lập doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại Việt Nam phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan nước ngoài cấp không có thông tin về cấm thành lập doanh nghiệp và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của ngân hàng thương mại Việt Nam tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng không thuộc trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.”</i> 2. Sửa đổi, bổ sung điểm a(ii) khoản 7 như sau: “(ii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người không có quốc tịch Việt Nam là người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín</p>	<p>- Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại Số thứ tự 18 (Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng) Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN. - Bỏ người đại diện theo pháp luật để phù hợp với trường hợp hồ sơ có chủ sở hữu là NHTM được chuyển giao bắt buộc thành lập TCTD phi ngân hàng để thực hiện Phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt; Trong đó, chỉ cần thông tin người được cử đại diện phần vốn góp của NHTM Việt Nam tại TCTD phi ngân hàng.</p>

	<p>cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp thì Trường Ban trừ bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng; Người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);</p>	<p>dụng phi ngân hàng do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp theo quy định <del>quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về</del> có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; <del>thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp.</del> Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp thì Trường Ban trừ bị phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng; <del>Người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);”</del></p>	
	<p><b>THÔNG TƯ SỐ 62/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM NGÀY 31/12/2024 QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN VIỆC TỔ CHỨC LẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ 26/2025/TT-NHNN, THÔNG TƯ 69/2025/TT-NHNN</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương V</b></p> <p><b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 62/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN VIỆC TỔ CHỨC LẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ 26/2025/TT-NHNN, THÔNG TƯ 69/2025/TT-NHNN</b></p>	
	<p><b>Khoản 2 Điều 10 quy định:</b> 2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập:</p>	<p><b>Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10</b> “2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập:</p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 10 Mục I</p>

<p>a) Văn bản của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập đề nghị:  (i) Chấp thuận sáp nhập, thay đổi về vốn điều lệ;  (ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);  b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;  c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án sáp nhập và các vấn đề khác có liên quan đến việc sáp nhập (nếu có);  d) Văn bản của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án sáp nhập đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập (nếu có);  đ) Văn bản cam kết của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập về việc tổ chức tín dụng sau sáp nhập đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.</p>	<p>a) Văn bản của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập:  (i) Đề nghị chấp thuận sáp nhập, thay đổi về vốn điều lệ;  (ii) Đề nghị chấp thuận các nội dung khác (nếu có);  (iii) <i>Nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án sáp nhập đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập (nếu có);</i>  (iv) <i>Cam kết của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập về việc tổ chức tín dụng sau sáp nhập đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.</i>  b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;  c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án sáp nhập và các vấn đề khác có liên quan đến việc sáp nhập (nếu có).”</p>	<p>Phụ III Công văn số 954/VP2</p>
<p><b>Khoản 2 Điều 11 quy định:</b>  2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hợp nhất:  a) Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện đề nghị:  (i) Chấp thuận hợp nhất;  (ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);  b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;  c) Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua;  d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án hợp nhất và các vấn đề khác có liên quan đến việc hợp nhất (nếu có);  đ) Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện nêu rõ các nội</p>	<p><b>Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11</b>  “2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hợp nhất:  a) Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện bao gồm:  (i) Đề nghị chấp thuận hợp nhất;  (ii) Đề nghị chấp thuận các nội dung khác (nếu có);  (iii) <i>Nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án hợp nhất đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất (nếu có);</i>  (iv) <i>Cam kết của tổ chức tín dụng đại diện về việc tổ chức tín dụng hợp nhất đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này;</i>  b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;  c) Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua;</p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 12 Mục I Phụ III Công văn số 954/VP2 và chỉnh sửa quy định liên quan đến việc báo cáo nội dung thay đổi so với Đề án hợp nhất để phù hợp với TTHC về sáp nhập TCTD.</p>

<p>dung thay đổi so với Đề án hợp nhất đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất (nếu có);</p> <p>e) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hợp nhất và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng hợp nhất;</p> <p>g) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát;</p> <p>h) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;</p> <p>i) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất quy định tại điểm i khoản 1 Điều này đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua;</p> <p>k) Văn bản cam kết của tổ chức tín dụng đại diện về việc tổ chức tín dụng hợp nhất đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.</p>	<p>d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án hợp nhất và các vấn đề khác có liên quan đến việc hợp nhất (nếu có);</p> <p>đ) Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án hợp nhất đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất (nếu có);</p> <p>đ) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng hợp nhất về:</p> <p>(i) Thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hợp nhất và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng hợp nhất;</p> <p>(ii) Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát;</p> <p>(iii) Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;</p> <p>e) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất quy định tại điểm i khoản 1 Điều này đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua.”</p>	
<p><b>Khoản 2 Điều 17 quy định:</b></p> <p>2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý:</p> <p>a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị:</p> <p>(i) Chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý;</p> <p>(ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);</p> <p>b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân</p>	<p><b>Điều 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17</b></p> <p>“2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý:</p> <p>a) Văn bản của tổ chức tín dụng bao gồm:</p> <p>(i) Đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý;</p> <p>(ii) Đề nghị chấp thuận các nội dung khác (nếu có);</p> <p>(iii) Danh sách, mức và tỷ lệ góp vốn của các thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín</p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 13 Mục I Phụ III Công văn số 954/VP2</p>

<p>hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Điều lệ của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;</p> <p>d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua các nội dung thay đổi tại Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác có liên quan đến việc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);</p> <p>đ) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý nêu rõ các nội dung thay đổi so với Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);</p> <p><del>e) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;</del></p> <p><del>g) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát; bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát;</del></p> <p>h) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;</p> <p>i) Danh sách, mức và tỷ lệ góp vốn của các thành viên</p>	<p><i>dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;</i></p> <p>b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Điều lệ của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;</p> <p>d) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua các nội dung thay đổi tại Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác có liên quan đến việc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);</p> <p>đ) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý nêu rõ các nội dung thay đổi so với Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);</p> <p><i>e) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về:</i></p> <p><i>(i) Thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;</i></p> <p><i>(ii) Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát; bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>(iii) Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;</i></p> <p>g) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý quy định tại điểm e</p>	
---	---	--

<p>góp vốn, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;</p> <p>k) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý quy định tại điểm <del>e khoản 1</del> Điều này đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;</p> <p>l) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, <del>h, i, k</del> khoản này, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:</p> <p>(i) Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu và xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán, văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần hoặc Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Giấy tờ chứng minh việc góp vốn của cổ đông mới trong trường hợp tiếp nhận cổ đông mới;</p> <p>(ii) Hồ sơ của cổ đông sáng lập (nếu có), cổ đông lớn, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo hồ sơ đối với cổ đông sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng.</p> <p>(iii) Hồ sơ của cổ đông, cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ</p>	<p>khoản 1 Điều này đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;</p> <p>h) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản này, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:</p> <p>(i) Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu và xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán, văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu đối với trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần hoặc Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Giấy tờ chứng minh việc góp vốn của cổ đông mới trong trường hợp tiếp nhận cổ đông mới;</p> <p>(ii) Hồ sơ của cổ đông sáng lập (nếu có), cổ đông lớn, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo hồ sơ đối với cổ đông sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng;</p> <p>(iii) Hồ sơ của cổ đông, cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam;</p> <p>i) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản này, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại, tổ chức tín</p>	
--	--	--

<p>sơ, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam;</p> <p>m) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k khoản này, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:</p> <p>(i) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư hoặc giấy tờ xác nhận hoàn tất chuyển nhượng vốn;</p> <p>(ii) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý xác nhận tư cách thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;</p> <p>(iii) Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng.</p>	<p>dụng chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:</p> <p>(i) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư hoặc giấy tờ xác nhận hoàn tất chuyển nhượng vốn;</p> <p>(ii) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý xác nhận tư cách thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;</p> <p>(iii) Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng.”</p>	
--	---	--

<p><b>Khoản 6 Điều 22 quy định:</b> 6. Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.</p>	<p><b>Điều 19. Bãi bỏ khoản 6 Điều 22</b></p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 11 Mục I Phụ III Công văn số 954/VP2. Đồng thời, bổ sung nội dung tại Phụ lục 03 đính kèm Thông tư số 62 về việc cam kết báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ để đảm bảo NHNN xem xét chấp thuận trên cơ sở báo cáo tài chính của TCTD phi ngân hàng đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ.</p>
<p><b>Khoản 3 Điều 24 quy định:</b> 3. Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.</p>	<p><b>Điều 20. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24</b> “3. Trong thời hạn <i>21 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”</p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 11 Mục I Phụ III Công văn số 954/VP2</p>
<p><b>Phụ lục 03</b> .... Chúng tôi cam kết: - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực</p>	<p><b>Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 03</b> <i>Thay thế đoạn: “Chúng tôi cam kết:</i> - <i>Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong văn bản, hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi</i></p>	<p>Bổ sung Phụ lục 03 về cam kết của TCTD phi ngân hàng trong việc đảm bảo báo cáo tài chính trong 03</p>

	<p>của nội dung trong văn bản, hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyên đổi loại hình.</p> <p>- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p><i>loại hình.</i></p> <p><i>- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.” bằng đoạn:</i></p> <p><i>“Chúng tôi cam kết:</i></p> <p><i>- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong văn bản, hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình.</i></p> <p><i>- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</i></p> <p><i>- Cam kết đảm bảo báo cáo tài chính trong 03 năm liền kể trước năm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ.”</i></p>	<p>năm liền kể trước năm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ để phù hợp với việc bổ sung nội dung này tại văn bản của TCTD phi ngân hàng gửi NHNN trong hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình TCTD phi ngân hàng.</p>
	<p><b>THÔNG TƯ SỐ 63/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC THU HỒI GIẤY PHÉP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI; HỒ SƠ, THỦ TỤC THU HỒI GIẤY PHÉP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 24/2025/TT-NHNN, THÔNG TƯ SỐ 48/2025/TT-NHNN</b></p>	<p><b>Chương VI</b></p> <p><b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 63/2024/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC THU HỒI GIẤY PHÉP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI; HỒ SƠ, THỦ TỤC THU HỒI GIẤY PHÉP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 24/2025/TT-NHNN, THÔNG TƯ SỐ 48/2025/TT-NHNN</b></p>	
	<p><b>- Điểm d khoản 2 Điều 8 quy định:</b></p> <p>đ) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài năm liền kề trước năm đề nghị giải thể được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị giải thể chưa có báo cáo tài</p>	<p><b>Điều 22. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 8</b></p> <p>1. Bãi bỏ điểm d khoản 2.</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại số thứ tự 21 (Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư</p>

<p>chính năm được kiểm toán, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán độc lập phát hành báo cáo kiểm toán.</p> <p><b>- Khoản 9 Điều 8 quy định</b></p> <p>9. Thu hồi Giấy phép:</p> <p>a) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, điểm d khoản 8 Điều này, Ngân hàng Nhà nước:</p> <p>(i) Có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Thông tư này; hoặc</p> <p>(ii) Có quyết định chấm dứt thanh lý tổ chức tín dụng để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này; hoặc</p> <p>(iii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có).</p> <p>b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu quy định tại điểm a(iii) khoản này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có báo cáo, giải trình gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này;</p> <p>c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm b khoản này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định theo quy định tại điểm a(i) hoặc điểm a(ii) khoản này.</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:</p> <p>“9. Thu hồi Giấy phép:</p> <p>a) Trong thời hạn <i>30 ngày</i> kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, d khoản 8 Điều này, Ngân hàng Nhà nước thực hiện một trong các biện pháp sau:</p> <p>(i) Có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 17 Thông tư này;</p> <p>(ii) Có quyết định chấm dứt thanh lý tổ chức tín dụng để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này;</p> <p>(iii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có);</p> <p>b) Trong thời hạn <i>10 ngày</i> kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu quy định tại điểm a(iii) khoản này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có báo cáo, giải trình gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này;</p> <p>c) Trong thời hạn <i>10 ngày</i> kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm b khoản này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định theo quy định tại điểm a(i) hoặc điểm a(ii) khoản này.”</p>	<p>63/2024/TT-NHNN) Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN.</p> <p>- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC để phù hợp với định hướng của Chính phủ tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP.</p>
---	--	--

<p><b>Khoản 3 Điều 16 quy định:</b> 3. Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý hoặc Tổ giám sát thanh lý quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý.</p>	<p><b>Điều 23. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16</b> “3. Trong thời hạn <i>14 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý hoặc Tổ giám sát thanh lý quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý.”.</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại số thứ tự 22 (Thủ tục gia hạn thời hạn thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN. Đồng thời, thời gian giải quyết TTHC này được quy đổi từ “ngày” thành “ngày làm việc” đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm g khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP.</p>
<p><b>Điểm b khoản 1 Điều 22 quy định:</b> b) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh <del>thực hiện một trong các biện pháp sau:</del> (i) Có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật; hoặc (ii) Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu có).</p>	<p><b>Điều 24. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 22</b> “b) Trong thời hạn <i>14 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh: (i) Có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở, thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật; (ii) Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu có);”</p>	<p>- Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại số thứ tự 23 (Thủ tục thu hồi Giấy phép của Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng) Mục I Phụ lục III đính kèm Công văn số 954/VP2 ngày 06/5/2026 của Văn phòng NHNN. - Đây là trường hợp Văn phòng đại diện đề nghị chấm dứt hoạt động, do vậy NHNN ra quyết định thu hồi Giấy phép và trong trường hợp cần thiết NHNN có yêu</p>

			<p>cầu Văn phòng đại diện báo cáo giải trình. Theo đó, không thể yêu cầu “NHNN chi nhánh thực hiện một trong các biện pháp” nêu trên.</p> <p>- Đồng thời, thời gian giải quyết TTHC này được quy đổi từ “ngày” thành “ngày làm việc” đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm g khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP.</p>
	<p><b>THÔNG TƯ SỐ 20/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HƯỚNG DẪN VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 48/2025/TT-NHNN</b></p>	<p><b>Chương VII</b> <b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 20/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HƯỚNG DẪN VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 48/2025/TT-NHNN</b></p>	
	<p><b>Khoản 4 Điều 7 quy định:</b> 4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm: a) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;</p>	<p><b>Điều 25. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7</b> <i>“4. Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì</i></p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 41 Mục I Phụ III Công văn số 954/VP2</p>

<p>b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ sở hữu (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), thành viên góp vốn (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), cổ đông, nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần) đề cử nhân sự dự kiến phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm a, b khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.</p> <p>Nhân sự dự kiến được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác</p>	<p><i>chủ sở hữu (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), thành viên góp vốn (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), cổ đông, nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần) đề cử nhân sự dự kiến phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;</i></p> <p><i>Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.”</i></p>	
---	--	--

<p>thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật.</p>		
<p><b>Khoản 3 Điều 8 quy định:</b>  3. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bổ nhiệm:  a) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;  b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ngân hàng nước ngoài phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;  c) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm a, b khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.</p>	<p><b>Điều 26. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8</b>  <i>“3. Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ngân hàng nước ngoài phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;  Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.”</i></p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 42 Mục I Phụ III Công văn số 954/VP2</p>

	<p>Nhân sự dự kiến được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật.</p>		
	<p><b>Khoản 3 Điều 9 quy định:</b> 3. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 7, 8 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải nêu rõ lý do.</p>	<p><b>Điều 27. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9</b> “3. Trong thời hạn <i>20 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 7, 8 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải nêu rõ lý do.”</p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 42 Mục I Phụ III Công văn số 954/VP2</p>
	<p><b>THÔNG TƯ SỐ 47/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HƯỚNG DẪN THỦ TỤC CHẤP THUẬN CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG CỔ PHẦN</b></p>	<p><b>Chương VIII</b> <b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 47/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HƯỚNG DẪN THỦ TỤC CHẤP THUẬN CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG CỔ PHẦN</b></p>	
	<p><b>Khoản 2 Điều 6 quy định:</b> 2. Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Điều 5 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài; trường hợp không chấp thuận,</p>	<p><b>Điều 28. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6</b> “2. Trong thời hạn <i>14 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Điều 5 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài; trường hợp không chấp thuận,</p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 6 Mục I Phụ III Công văn số 954/VP2. Đồng thời, thời gian giải quyết TTHC này được quy đổi từ “ngày” thành “ngày làm việc” đảm bảo phù hợp</p>

	văn bản phải nêu rõ lý do.	văn bản phải nêu rõ lý do.”	với quy định tại điểm g khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP.
	<b>THÔNG TƯ SỐ 49/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHỮNG THAY ĐỔI CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG</b>	<b>Chương IX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 49/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHỮNG THAY ĐỔI CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG</b>	
	<b>Khoản 1 Điều 4 quy định:</b> <b>Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép</b> 1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này, trừ những nội dung quy định tại các khoản 2, 3 Điều này.	Giữ nguyên nội dung khoản 1 Điều 4.	Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 35, 59 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, thủ tục chấp thuận thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của TCTD phi ngân hàng đối với trường hợp “ <i>thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi TCTD phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính</i> ” được giao cho NHNN chi nhánh Khu vực nơi TCTD phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính thực hiện. Tuy nhiên, về mặt kỹ thuật, không cần sửa đổi khoản 1 Điều 4 do nội dung phân cấp nêu trên đã được thể

			hiện tại nội dung sửa đổi khoản 2, 3 Điều 4.
	<p><b>Khoản 2, 3 Điều 4 quy định:</b></p> <p>2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thay đổi tên;</p> <p>b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính;</p> <p>c) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;</p> <p>d) Tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn;</p> <p>đ) Tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần, trừ trường hợp tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn.</p>	<p><b>Điều 29. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:</p> <p>“2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thay đổi tên;</p> <p>b) Tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn;</p> <p>c) Tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần, trừ trường hợp tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn.”</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 35, 59, 60 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, thủ tục chấp thuận thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của TCTD phi ngân hàng đối với 02 trường hợp tại điểm b, c khoản 2 Điều 4 Thông tư 49/2025/TT-NHNN (bao gồm (i) thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của TCTD phi ngân hàng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi TCTD phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính; (ii) thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của TCTD phi ngân hàng) được giao cho NHNN chi nhánh Khu vực nơi TCTD phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính thực hiện.</p>
	<p><b>Khoản 3 Điều 4 quy định:</b></p> <p>3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực) xem xét chấp thuận việc tạm ngừng giao dịch từ 05</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:</p> <p>“3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực) xem xét chấp thuận <i>những thay đổi, sửa đổi, bổ sung</i></p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 35, 59, 60</p>

<p>ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng.</p>	<p><i>Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung sau đây:</i></p> <p>a) <i>Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;</i></p> <p>b) <i>Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;</i></p> <p>c) <i>Việc tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng.”</i></p>	<p>Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, NHNN chi nhánh Khu vực nơi TCTD phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính được giao thẩm quyền chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của TCTD phi ngân hàng đối với các nội dung:</p> <p><b>(i)</b> Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi TCTD phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính;</p> <p><b>(ii)</b> Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi TCTD phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính;</p> <p><b>(iii)</b> Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của TCTD phi ngân hàng.</p> <p>Trong đó, theo nội dung phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại thủ tục hành chính số 35, 59 Mục I Phụ lục III Công văn số</p>
--	---	--

			954/VP2, các trường hợp thay đổi tại điểm (i), (ii) nêu trên được gộp lại thành 01 trường hợp là <b><i>thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của TCTD phi ngân hàng.</i></b>
	<p><b>Khoản 1 Điều 7 quy định:</b></p> <p>1. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm hiện tại;</li> <li>- Địa điểm dự kiến chuyển đến;</li> <li>- Lý do thay đổi;</li> <li>- Kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới;</li> <li>- Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;</li> </ul> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;</p> <p>c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p><b>Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Điều 7</b></p> <p><b>“Điều 7. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính</b></p> <p>1. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm hiện tại;</li> <li>- Địa điểm dự kiến chuyển đến;</li> <li>- Lý do thay đổi;</li> <li>- Kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới;</li> <li>- Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;</li> </ul> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;</p> <p>c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p><i>Đối với văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đó có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung thông tin về mã Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trong trường hợp này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng không cần nộp Giấy chứng nhận quyền sử</i></p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 35 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT bổ sung thêm nội dung liên quan đến việc cung cấp văn bản, tài liệu là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại điểm c khoản 1 Điều 7 Thông tư 49/2025/TT-NHNN.</p>

	<p><b>Khoản 2, 3 Điều 7 quy định:</b>  2. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính:  a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;  b) Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.  c) Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở chính theo quy định của pháp luật;  d) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm c khoản này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trên địa bàn;  Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực thực hiện kiểm</p>	<p><i>dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.”</i>  “2. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính:  a) <i>Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;</i>  b) <i>Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính khác địa bàn quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, ảnh hưởng của việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính đối với hoạt động hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn; các đề xuất, kiến nghị (nếu có). Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính quy định tại khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính có văn bản tham gia ý kiến gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính;</i>  c) <i>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có</i></p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 35, 59 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, đồng thời thống nhất với nội dung phân cấp đã nêu tại nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư 49/2025/TT-NHNN, DTTT gộp 02 thủ tục quy định tại khoản 2, 3 thành <b>01 thủ tục chấp thuận thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép đổi với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính</b> (bao gồm thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của TCTD phi ngân hàng: (i) trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi TCTD phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính; (ii) khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi TCTD phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính).  Ngoài ra, trên cơ sở ý kiến của Văn phòng NHNN, DTTT đã chỉnh sửa các thời hạn theo hướng quy đổi thành ngày làm việc đảm</p>
--	--	---	--

<p>tra việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; có ý kiến bằng văn bản gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại điểm c khoản này, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>3. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính:</p> <p>a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;</p> <p>b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng thẩm định hồ sơ, có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính và nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị được chuyển đến về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, ảnh hưởng của việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính đối với hoạt động hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn; các đề xuất, kiến nghị (nếu có);</p> <p>c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản tham gia ý kiến gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến theo quy định tại điểm c khoản này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng tổng hợp, trình Thống đốc</p>	<p><i>văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i></p> <p><i>Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.</i></p> <p><i>3. Tối thiểu 21 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trên địa bàn;</i></p> <p><i>4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</i></p>	<p>bảo đúng quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP.</p> <p>Đồng thời, thời gian giải quyết TTHC này được quy đổi từ “ngày” thành “ngày làm việc” đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm g khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP.</p>
---	--	--

<p>xem xét, quyết định có văn bản chấp thuận đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;</p> <p>đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.</p> <p>e) Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm e khoản này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trên địa bàn;</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực thực hiện kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; có ý kiến bằng văn bản gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại điểm e khoản này, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép;</p>		
--	--	--

	trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.		
	<p><b>Khoản 4 Điều 7 quy định:</b></p> <p>4. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.</p>	<p>“5. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi <i>Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính</i> thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép.</p> <p>Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, <i>Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính</i> có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.”</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 60 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT chỉnh sửa quy định này thống nhất với nội dung phân cấp đã nêu tại nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư 49/2025/TT-NHNN.</p> <p>Ngoài ra, trên cơ sở ý kiến của Văn phòng NHNN, DTTT đã chỉnh sửa các thời hạn theo hướng quy đổi thành ngày làm việc đảm bảo đúng quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP.</p>
	<p><b>Điểm b khoản 1 Điều 8 quy định:</b></p> <p>1. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>...b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó nêu rõ:</p> <p>(i) Mục tiêu, chiến lược hoạt động từ khi thành lập đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị; đánh giá hiệu quả việc thực hiện chiến lược này đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng và nền kinh tế Việt Nam nói chung;</p> <p>(ii) Đánh giá kết quả hoạt động trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính (cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh); tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị,</p>	<p><b>Điều 31. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:</p> <p>“b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó nêu rõ:</p> <p>(i) Đánh giá kết quả hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính (cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh); <del>tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;</del></p> <p>(ii) Dự kiến mục tiêu, chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh 03 năm tiếp theo;”</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 36 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT bỏ nội dung tại điểm b(i) khoản 1 Điều 8 và sửa nội dung tại điểm b(ii) khoản 1 Điều 8 Thông tư số 49/2025/TT-NHNN.</p>

	<p>điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ; (iii) Dự kiến mục tiêu, chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh 03 năm tiếp theo;...</p>		
	<p><b>Điểm b khoản 2 Điều 8 quy định:</b> b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau: “b) Trong thời hạn <i>11 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 36 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT quy định rút ngắn thời gian giải quyết TTHC và quy đổi thời gian thành ngày làm việc đảm bảo đúng quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP. Đồng thời, thời gian giải quyết TTHC này được quy đổi từ “ngày” thành “ngày làm việc” đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm g khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP.</p>
	<p><b>Điểm d(ii), điểm d(iii) khoản 1 Điều 9 quy định:</b> 1. Hồ sơ đề nghị gồm: ...d) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm, ngoài các hồ sơ quy định tại điểm a, b, c khoản này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung các hồ sơ sau đây: (ii) Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam xác nhận số tiền góp vốn của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm hoặc từ vốn góp của thành viên góp vốn mới;</p>	<p><b>Điều 32. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9</b> 1. Sửa đổi, bổ sung điểm d(ii), điểm d(iii) khoản 1 như sau: “(ii) Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam, <i>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</i> xác nhận số tiền góp vốn của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm hoặc từ vốn góp của thành viên góp vốn mới;</p>	<p>- DTTT sửa đổi, bổ sung điểm d(ii) khoản 1 Điều 9 Thông tư 49/2025/TT-NHNN theo hướng thuận lợi hơn cho TCTD phi ngân hàng trong việc triển khai tăng vốn điều lệ. Theo đó, TCTD phi ngân hàng có thể được mở tài khoản tại cả NHTM Việt Nam hoặc <u>chi</u></p>

<p>(iii) Báo cáo tài chính của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp chủ sở hữu, thành viên góp vốn là tổ chức tín dụng Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;...</p>	<p>(iii) Báo cáo tài chính của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp chủ sở hữu, thành viên góp vốn là tổ chức tín dụng Việt Nam <i>hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i>). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;”</p>	<p><u>nhánh NHNNg</u> để được xác nhận số tiền góp vốn, tạo môi trường công bằng giữa NHTM, chi nhánh NHNNg (phạm vi hoạt động ngân hàng thương mại về cơ bản tương đồng giữa 2 loại hình).</p> <p>- Thực tế các TCTD phi ngân hàng TNHH không có vốn đầu tư nước ngoài đang mở tài khoản tại chi nhánh NHNNg sẽ buộc phải mở thêm tài khoản tại NHTM để nhận tiền góp vốn, hoặc đối với các TCTD phi ngân hàng TNHH có vốn đầu tư nước ngoài đang mở DICA tại chi nhánh NHNNg sẽ phải đóng DICA hiện tại để chuyển sang tài khoản DICA mở mới tại NHTM nhằm nhận tiền góp vốn.</p> <p>- Việc bổ sung quy định này cũng phù hợp với quy định về mở tài khoản của TCTD phi ngân hàng tại Điều 117, Điều 122 Luật Các TCTD<sup>1</sup>.</p> <p>- Nội dung này đã được Phó Thống đốc Đoàn Thái Sơn</p>
--	--	---

<sup>1</sup> Khoản 2 Điều 117 Luật Các TCTD quy định: “2. Công ty tài chính tổng hợp được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”. Khoản 1 Điều 122 Luật Các TCTD quy định: “1. Việc mở tài khoản của công ty tài chính chuyên ngành thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 117 của Luật này.”

			<p>phê duyệt tại Tờ trình số 45/TTr-ATHT3 ngày 27/2/2026 của Cục ATHT về việc xử lý đề nghị của Nhóm Công tác Ngân hàng liên quan đến Thông tư 49/2025/TT-NHNN ngày 23/12/2025 quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của TCTD phi ngân hàng.</p> <p>- Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 37 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT chỉnh sửa điểm d(iii) khoản 1 Điều 9 Thông tư 49/2025/TT-NHNN.</p>
	<p><b>Điểm b khoản 2 Điều 9 quy định:</b> b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau: “b) Trong thời hạn <i>17 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 37 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT quy định rút ngắn thời gian giải quyết TTHC và quy đổi thời gian thành ngày làm việc đảm bảo đúng quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP. Đồng thời, thời gian giải</p>

			quyết TTHC này được quy đổi từ “ngày” thành “ngày làm việc” đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm g khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP.
	<p><b>Điểm d khoản 1 Điều 10 quy định:</b></p> <p>d) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 10% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin sau đây:...</p>	<p><b>Điều 33. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề điểm d khoản 1 như sau:  “d) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ <i>thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn</i>; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 10% trở lên so với vốn điều lệ <i>thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn</i>. Các danh sách này phải có thông tin sau đây:”</p>	Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 38 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT chỉnh sửa điểm d khoản 1 Điều 10 Thông tư 49/2025/TT-NHNN.
	<p><b>Điểm g khoản 2 Điều 10 quy định:</b></p> <p>g) Báo cáo tài chính của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp tổ chức dự kiến là cổ đông lớn là tổ chức tín dụng Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 như sau:  “g) Báo cáo tài chính của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp tổ chức dự kiến là cổ đông lớn là tổ chức tín dụng Việt Nam <i>hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i>). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.”</p>	Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 38 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT chỉnh sửa điểm g khoản 2 Điều 10 Thông tư 49/2025/TT-NHNN.
	<p><b>Điểm e khoản 1 Điều 11 quy định:</b></p> <p>e) Báo cáo tài chính của bên mua, bên nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đã được kiểm toán bởi tổ chức</p>	<p><b>Điều 34. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:  “e) Báo cáo tài chính của bên mua, bên nhận chuyển</p>	Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 39 Mục I Phụ

<p>kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bên mua, bên nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.</p>	<p>nhượng năm liền kề trước năm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bên mua, bên nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.”</p>	<p>lục III Công văn số 954/VP2, DTTT chỉnh sửa điểm e khoản 1 Điều 11 Thông tư 49/2025/TT-NHNN.</p>
<p><b>Điểm b khoản 4 Điều 11 quy định:</b> b) Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau: “b) Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;”</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 39 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT quy định rút ngắn thời gian giải quyết TTHC và quy đổi thời gian thành ngày làm việc đảm bảo đúng quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP. Đồng thời, thời gian giải quyết TTHC này được quy đổi từ “ngày” thành “ngày làm việc” đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm g khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP.</p>
<p><b>Điểm d khoản 1 Điều 12 quy định:</b> d) Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và</p>	<p><b>Điều 35. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12</b> 1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề điểm d khoản 1 như sau:</p>	<p>Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục</p>

	sau khi mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, trong đó nêu rõ: ...	“d) Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng <i>sau khi</i> mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, trong đó nêu rõ:”	hành chính số 40 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT chỉnh sửa điểm d khoản 1 Điều 12 Thông tư 49/2025/TT-NHNN.
	<p><b>Điểm i khoản 1 Điều 12 quy định:</b></p> <p>i) Báo cáo tài chính của bên mua, nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bên mua, nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 như sau:</p> <p>“i) Báo cáo tài chính của bên mua, nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bên mua, nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng Việt Nam <i>hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i>). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.”</p>	Căn cứ phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thủ tục hành chính tại Thủ tục hành chính số 40 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2, DTTT chỉnh sửa điểm i khoản 1 Điều 12 Thông tư 49/2025/TT-NHNN.
	<b>THÔNG TƯ SỐ 50/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN MỘT SỐ NỘI DUNG THAY ĐỔI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI</b>	<b>Chương X SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 50/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN MỘT SỐ NỘI DUNG THAY ĐỔI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI</b>	
	4. Hồ sơ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được gửi tới Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực bằng một trong các hình thức sau:	<p><b>Điều 36. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 4 Điều 3 như sau:</b></p> <p>“4. Hồ sơ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được gửi tới Ngân hàng Nhà nước bằng một trong các hình thức sau:”</p>	Lý do: NHNN Khu vực là “cánh tay nối dài” của NHNN Việt Nam, do đó, việc gửi hồ sơ tới NHNN Việt Nam bao gồm cả NHNN Khu vực theo thẩm quyền được phân cấp.

<p><b>Điều 4 quy định:</b></p> <p>1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, trừ những nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng chấp thuận những nội dung thay đổi của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại sau đây:</p> <p>a) Địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại đang đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở);</p> <p>b) Tăng mức vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn;</p> <p>c) Tăng mức vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>d) Thay đổi tên và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>đ) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại,</p>	<p><b>Điều 37. Sửa đổi, bổ sung Điều 4</b> <b>“Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi</b></p> <p>1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, trừ những nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng chấp thuận những nội dung thay đổi của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại sau đây:</p> <p>a) <i>Địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại (trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại đang đặt trụ sở chính);</i></p> <p>b) Tăng mức vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn;</p> <p>c) Tăng mức vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>d) Thay đổi tên và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>đ) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa chỉ</p>	<p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 58 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2. Tuy nhiên, để đảm bảo thực thi phương án này, DTTT không sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 6 Điều 7 mà sửa đổi tiêu đề khoản 4 Điều 3 và Điều 4.</p>
--	---	---

<p>địa chỉ đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở;</p> <p>e) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng.</p> <p>3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận những nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở trên địa bàn và dự kiến đặt trụ sở trên địa bàn (đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở) trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</p>	<p>đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở;</p> <p>e) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng.</p> <p>3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận những nội dung thay đổi sau đây:</p> <p>a) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn và dự kiến đặt trụ sở trên địa bàn (đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở); sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi này;</p> <p>b) Đối với trường hợp không thuộc điểm a khoản này: Các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở trên địa bàn và dự kiến đặt trụ sở trên địa bàn (đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở).”.</p>	
<p><b>Điểm b khoản 2 Điều 5 quy định:</b></p> <p>b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và có quyết định sửa đổi Giấy phép; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p><b>Điều 38. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 5</b></p> <p>“b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và có quyết định sửa đổi Giấy phép; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p>	<p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 2 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p>
<p><b>- Điểm c khoản 1 Điều 6 quy định:</b></p> <p>c) Văn bản, tài liệu chứng minh ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa điểm</p>	<p><b>Điều 39. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:</p> <p>c) Văn bản, tài liệu chứng minh ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền sử dụng hoặc sẽ có</p>	<p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 65 Mục I</p>

<p>mới.</p> <p><b>- Điểm b khoản 2 Điều 6 quy định:</b></p> <p>b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;</p>	<p>quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.</p> <p><i>Đối với văn bản, tài liệu chứng minh ngân hàng thương mại có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đó có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, ngân hàng thương mại bổ sung thông tin về mã Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất vào văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trong trường hợp này, ngân hàng thương mại không cần nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</i></p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:</p> <p>“b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p>	<p>Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p> <p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 3 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p> <p>Tuy nhiên, để đảm bảo thực thi phương án này, DTTT không sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 mà sửa đổi tiêu đề khoản 4 Điều 3 và Điều 4.</p>
<p><b>Điểm b khoản 2 Điều 7 quy định:</b></p> <p>b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p><b>Điều 40. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7</b></p> <p>“b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p>	<p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 3 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p> <p>Tuy nhiên, để đảm bảo thực thi phương án này, DTTT không sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 7 mà sửa đổi tiêu đề khoản 4 Điều 3 và Điều 4.</p>
<p><b>Điểm c(i) khoản 1 Điều 9 quy định:</b></p>	<p><b>Điều 41. Sửa đổi, bổ sung điểm c(i) khoản 1 Điều 9</b></p>	<p>Căn cứ phương án tại thủ</p>

<p>c) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam trong đó nêu rõ:</p> <p>(i) Đánh giá tổng kết hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh; tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;</p>	<p>“c) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam trong đó nêu rõ:</p> <p>(i) Đánh giá tổng kết hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh; <del>tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;</del>”</p>	<p>tục hành chính 4 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p>
<p><b>Điểm b khoản 2 Điều 10 quy định:</b></p> <p>b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	<p><b>Điều 42. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 10</b></p> <p>“b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”</p>	<p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 56 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p>
<p><b>Điểm a khoản 1 Điều 13 quy định:</b></p> <p>1. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:</p> <p>(i) Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ;</p> <p>(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại và mức vốn điều lệ dự kiến tăng;</p> <p>(iii) Trường hợp nguồn tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật: Thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác được xác định theo báo cáo tài chính riêng lẻ của năm liền kề năm đề nghị tăng vốn đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật; thông tin về số tiền từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác được sử dụng để tăng vốn điều lệ;</p> <p>(iv) Cam kết thông báo cho các thành viên góp vốn mới</p>	<p><b>Điều 43. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:</p> <p>“a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:</p> <p>(i) Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ;</p> <p>(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại và mức vốn điều lệ dự kiến tăng;</p> <p>(iii) Trường hợp nguồn tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật: Thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác được xác định theo báo cáo tài chính riêng lẻ của năm liền kề năm đề nghị tăng vốn đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật; thông tin về số tiền từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác được sử dụng để tăng vốn điều lệ;</p> <p>(iv) Cam kết thông báo cho các thành viên góp vốn mới về</p>	<p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 1 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p>

	<p>về quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trong đó bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp; không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;</li> <li>- Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của thành viên góp vốn, thành viên góp vốn và người có liên quan.</li> </ul>	<p>quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trong đó bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp; không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;</li> <li>- Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của thành viên góp vốn, thành viên góp vốn và người có liên quan.</li> </ul> <p><i>(v) Báo cáo tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ; các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề năm nộp hồ sơ và đến thời điểm nộp hồ sơ của thành viên mới là ngân hàng thương mại Việt Nam và thành viên mới chịu trách nhiệm về thông tin này;”</i></p>	
	<p><b>Điểm c(ii) khoản 1 Điều 13 quy định:</b></p> <p>(ii) Đối với thành viên mới là ngân hàng thương mại Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp dự kiến tại ngân hàng, trong đó có các thông tin định danh của người đại diện vốn góp (Họ và tên; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam));</li> <li>- Tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn và có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về ảnh hưởng của việc ngoại trừ (trong trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập);</li> <li>- Báo cáo tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định pháp luật tại</li> </ul>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm c(ii) khoản 1 như sau:</p> <p>“(ii) Đối với thành viên mới là ngân hàng thương mại Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp dự kiến tại ngân hàng, trong đó có các thông tin định danh của người đại diện vốn góp (Họ và tên; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam));</li> <li>- Tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn và có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về ảnh hưởng của việc ngoại trừ (trong trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập);</li> <li><del>– Báo cáo tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định pháp luật tại</del></li> </ul>	<p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 1 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p>

<p>thời điểm nộp hồ sơ; các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề năm nộp hồ sơ và đến thời điểm nộp hồ sơ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình tuân thủ giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;</li> <li>- Báo cáo về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần dự kiến sau khi góp vốn;</li> </ul>	<p><del>thời điểm nộp hồ sơ; các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề năm nộp hồ sơ và đến thời điểm nộp hồ sơ;</del></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình tuân thủ giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;</li> <li>- Báo cáo về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần dự kiến sau khi góp vốn;”</li> </ul>	
<p><b>Điểm c(iii) khoản 1 Điều 13 quy định:</b> (iii) Đối với thành viên mới của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng, hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương (trừ doanh nghiệp Việt Nam);</li> <li>- Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp dự kiến tại ngân hàng, trong đó có các thông tin định danh của người đại diện vốn góp (Họ và tên; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);</li> <li>- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của doanh nghiệp tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);</li> <li>- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho doanh nghiệp được tham gia góp vốn vào ngân hàng;</li> <li>- Báo cáo về việc đáp ứng các điều kiện đối với đối tác mới là doanh nghiệp không phải ngân hàng khi góp vốn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức,</li> </ul>	<p>3. Sửa đổi, bổ sung điểm c(iii) khoản 1 như sau: “(iii) Đối với thành viên mới của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng, hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương (trừ doanh nghiệp Việt Nam);</li> <li>- Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp dự kiến tại ngân hàng, trong đó có các thông tin định danh của người đại diện vốn góp (Họ và tên; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);</li> <li>- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của doanh nghiệp tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);</li> <li>- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho doanh nghiệp được tham gia góp vốn vào ngân hàng;</li> <li>- Báo cáo về việc đáp ứng các điều kiện đối với đối tác mới là doanh nghiệp không phải ngân hàng khi góp vốn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân</li> </ul>	<p>Căn cứ phương án tại thủ tục hành chính 1 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2. Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của Phó Thống đốc Đoàn Thái Sơn tại dự thảo Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC đính kèm Tờ trình số 111/TTr-ATHT1 ngày 15/4/2026, DTTT không bỏ nội dung “Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương (trừ doanh nghiệp Việt Nam)” do Thông tư 50/2025/TT-NHNN đã quy định đối với doanh nghiệp Việt Nam không phải cung cấp Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương (Ngân hàng</p>

<p>hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn đã được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn và có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về ảnh hưởng của việc ngoại trừ (trong trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập);</li> <li>- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn ngân hàng liên doanh của doanh nghiệp không phải ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>- Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức;</li> <li>- Bảng kê khai người có liên quan và tình hình tham gia góp vốn vào ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.</li> </ul>	<p>hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn đã được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (<i>trừ doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i>);</li> <li>- Tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn và có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về ảnh hưởng của việc ngoại trừ (trong trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập);</li> <li>- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn ngân hàng liên doanh của doanh nghiệp không phải ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;</li> <li>- Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức;</li> <li>- Bảng kê khai người có liên quan và tình hình tham gia góp vốn vào ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.”</li> </ul>	<p>Nhà nước có thể tra cứu trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp); đối với doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước không thể tra cứu thông tin về Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương.</p>
<p><b>THÔNG TƯ SỐ 55/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP, CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY PHÉP VÀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XI</b></p> <p><b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 55/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP, CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY PHÉP VÀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN</b></p>	

	<b>HÀNG</b>	
<b>Điểm b khoản 1 Điều 7 quy định:</b> b) Danh mục các nội dung hoạt động kèm bản chụp Giấy phép hiện hành và các văn bản chấp thuận.	<b>Điều 44. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7</b> “b) Danh mục các nội dung hoạt động kèm <i>theo thông tin</i> Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận.”	Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 5 Mục I Phụ III Công văn số 954/VP2.
<b>THÔNG TƯ SỐ 60/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM NGÀY 30/12/2025 QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC CHẤP THUẬN VIỆC GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b>	<b>Chương XII</b> <b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 60/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM NGÀY 30/12/2025 QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC CHẤP THUẬN VIỆC GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b>	
<b>Điểm c khoản 1 Điều 6 quy định:</b> 1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư này (trừ công ty con, công ty liên kết là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản) gồm: c) Phương án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm những nội dung sau: ...;	<b>Điều 45. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6</b> 1. Bổ sung điểm c(xiv) vào sau điểm c(xiii) khoản 1 như sau: “(xiv) <i>Kết quả hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán, tổ chức tín dụng phải cung cấp tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn, mua cổ phần và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ;</i> ”.	Việc bổ sung phù hợp với việc cắt giảm TTHC nêu tại khoản 2 Điều này và phù hợp với việc ngân hàng phải tự đánh giá việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện góp vốn, mua cổ phần tại Điều 5 Thông tư trong phương án.
<b>Điểm d khoản 1 Điều 6 quy định:</b> d) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị của tổ chức tín dụng đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán, tổ chức tín dụng phải cung cấp tài liệu giải thích hợp lý về ý kiến ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện góp vốn, mua cổ phần và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ.	2. Bãi bỏ điểm d khoản 1.	<b>Khoản 2:</b> Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “d) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị của tổ chức tín dụng đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập...” <b>Lý do:</b> Căn cứ phương án cắt giảm TTHC tại Số thứ tự 20 Mục I Phụ lục III đính

			kèm Công văn số 954/VP2 này 06/5/2026 của Văn phòng NHNN.
	<p><b>Khoản 3, 4 Điều 6 quy định:</b></p> <p>3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp khác ở trong nước quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư này gồm:</p> <p>a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Phương án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm những nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv), c(v), c(vi), c(vii), c(viii), c(xi), c(xii), c(xiii) khoản 1 Điều này và các nội dung sau:</p> <p>(i) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;</p> <p>(ii) Thông tin về việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;</p> <p>(iii) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần.</p> <p>4. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư này gồm:</p> <p>a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Phương án của tổ chức tín dụng về việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm</p>	<p>3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau: “a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a và <i>điểm b</i> khoản 1 Điều này;”</p> <p>4. Bổ sung cụm từ “điểm c(xiv)” vào sau cụm từ “điểm c(xiii)” tại tiêu đề điểm b khoản 3.</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau: “a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a và <i>điểm b</i> khoản 1 Điều này;”</p> <p>6. Bổ sung cụm từ “điểm c(xiv)” vào sau cụm từ “điểm c(xiii)” tại tiêu đề điểm b khoản 4.</p>	<p><b>Khoản 3, 4, 5, 6</b> sửa tương ứng nội dung khoản 1, 2 nêu trên</p>

<p>các nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv), c(v), c(vi), c(viii), c(xi), c(xii), c(xiii) khoản 1 Điều này và các thông tin sau:</p> <p>(i) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;</p> <p>(ii) Thông tin về việc tuân thủ giới hạn góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;</p> <p>(iii) Thông tin về khoản nợ được chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần, gồm: Thực trạng của khoản nợ được dự kiến chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần (số dư của khoản nợ, nhóm nợ, khả năng thu hồi khoản nợ); số vốn góp, tỷ lệ vốn góp hoặc số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần được hình thành từ việc chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần.</p>		
<p><b>THÔNG TƯ 61/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XIII</b></p> <p><b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ 61/2025/TT-NHNN CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b></p>	
<p><b>Khoản 2, 3 Điều 4 quy định:</b></p> <p>2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét chấp thuận việc ngân hàng thương mại thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể (trừ trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động) phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước.</p> <p>3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét chấp thuận:</p>	<p><b>Điều 46. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: “2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét chấp thuận việc ngân hàng thương mại thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể (trừ trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động) phòng giao dịch.”.</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: “3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét chấp thuận:</p>	<p>- Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 27 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2;</p> <p>- Bổ sung thẩm quyền của Giám đốc NHNN chi nhánh trong việc bắt buộc chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp để</p>

	<p>a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch.</p>	<p>a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch; c) <i>Thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước.</i>”.</p>	<p>phù hợp với thẩm quyền thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (giao Giám đốc NHNN chi nhánh Khu vực). - Không lược bỏ một số nội dung cần cung cấp tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 61 (thông tin về HĐQT, HĐTV, BKS, TGD) tại TTHC này do đã lược bỏ tại TTHC số 28 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2;</p>
	<p>6. Trường hợp đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chi nhánh, ngân hàng con ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải có báo cáo và cam kết không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro theo quy định pháp luật trong thời hạn 12 tháng liền trước tháng đề nghị.</p>	<p><b>Điều 47. Bãi bỏ khoản 6 Điều 13</b></p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 28 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2</p>
	<p><b>Khoản 6 Điều 14 quy định:</b> 6. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài; văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước. Trường hợp chấp thuận văn phòng đại diện ở trong nước, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đối với từng văn phòng đại diện ở trong nước. Trường hợp không chấp</p>	<p><b>Điều 48. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 14</b> “6. Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập văn phòng đại diện, đơn</p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 27 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2. Đồng thời, thời gian giải quyết TTHC này được quy đổi từ “ngày” thành “ngày làm việc” đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm g khoản 3 Điều 18 Thông tư</p>

	thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.	<p><i>vi sự nghiệp ở trong nước.</i> Trường hợp chấp thuận văn phòng đại diện ở trong nước, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đối với từng văn phòng đại diện ở trong nước.</p> <p>Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.”</p>	số 26/2025/TT-BTP.
	<p><b>Khoản 3 Điều 15 quy định:</b></p> <p>3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng thương mại quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này và có văn bản xác nhận việc đáp ứng yêu cầu hoặc không đáp ứng yêu cầu gửi ngân hàng thương mại.</p>	<p><b>Điều 49. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:</p> <p>“2. Ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch các nội dung sau đây:</p> <p>a) Ngày dự kiến khai trương hoạt động và việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch;</p> <p>b) Thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch.”.</p> <p>2. Bãi bỏ khoản 3.</p> <p>3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:</p> <p>“4. Ngân hàng thương mại tiến hành khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch sau khi đã đáp ứng quy định tại khoản 1, 2 Điều này, hoàn tất thủ tục pháp lý hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định.”.</p>	Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 54 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2. Đồng thời sửa đổi thời gian NHTM có văn bản báo cáo NHNN chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động từ “20 ngày” thành “07 ngày làm việc” để tạo điều kiện cho NHTM trong việc khai trương hoạt động.
	<p><b>- Điểm c, d khoản 4 Điều 19 quy định:</b></p> <p>4. Trình tự chấp thuận đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:</p> <p>c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi</p>	<p><b>Điều 50. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 19</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm c, d khoản 4</p> <p>“c) Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự</p>	Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 29 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2. Đồng thời cắt giảm thủ tục NHNN chi nhánh khu vực kiểm tra việc

<p>nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở có ý kiến bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;</p> <p>d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng thương mại dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản gửi ngân hàng thương mại chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.</p> <p><b>- Khoản 6 Điều 19 quy định:</b></p> <p>6. Ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại điểm b khoản 3 hoặc điểm d khoản 4 Điều này về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này chậm nhất 20 ngày trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu này và có văn bản xác nhận việc đáp ứng điều kiện hoặc không đáp ứng điều kiện gửi ngân hàng thương mại, đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác địa bàn quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở.</p> <p>Việc thực hiện thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh,</p>	<p>kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở có ý kiến bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;</p> <p>d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi ngân hàng thương mại dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản gửi ngân hàng thương mại chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.”.</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:</p> <p>“6. Ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại điểm b khoản 3 hoặc điểm d khoản 4 Điều này về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.</p> <p>Việc thực hiện thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này và khoản 2, 4 Điều 15 Thông tư này.”.</p>	<p>đáp ứng yêu cầu trước khi hoạt động tại địa điểm mới và có văn bản xác nhận để thống nhất với việc bãi bỏ nội dung NHNN chi nhánh khu vực kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động và chỉnh sửa thời gian NHTM có văn bản báo cáo NHNN chi nhánh khu vực việc đáp ứng các yêu cầu để phù hợp với quy định về khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch.</p>
--	---	--

	phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này và khoản 2, 3, 4 Điều 15 Thông tư này.		
	<p><b>Khoản 2, 3 Điều 29 quy định:</b></p> <p>2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước:</p> <p>a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh;</p> <p>b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.</p> <p>3. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch:</p> <p>a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch;</p> <p>b) Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.</p>	<p><b>Điều 51. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 29</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:  “2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước:</p> <p>a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh;</p> <p>b) Trong thời hạn <i>11 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.”</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:  “3. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch:</p> <p>a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch;</p> <p>b) Trong thời hạn <i>5 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở phòng giao dịch có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.”</p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 30 và 31 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p> <p>Đồng thời, thời gian giải quyết TTHC này được quy đổi từ “ngày” thành “ngày làm việc” đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm g khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP.</p>
	<b>Điều 30 quy định:</b>	<p><b>Điều 52. Sửa đổi, bổ sung Điều 30</b></p> <p>“<b>Điều 30. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự</b></p>	<p>Bổ sung sửa đổi, bổ sung Điều 30 Thông tư số 61/2025/TT-NHNN để phù</p>

<p>1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại.</p> <p>2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại.</p> <p>3. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại bị xem xét chấm dứt hoạt động khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thật dẫn đến việc đánh giá sai lệch việc đáp ứng điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại;</p> <p>b) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại bị bắt buộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp chi nhánh có chênh lệch thu chi trong 03 năm liên tiếp âm, trừ các trường hợp sau:</p> <p>a) Trụ sở chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại thành lập tại vùng nông thôn;</p> <p>b) Chi nhánh mới đi vào hoạt động trong 03 năm đầu.</p> <p>5. Chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại bị bắt buộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở</p>	<p><b>ngoại ở trong nước</b></p> <p>1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại.</p> <p>2. <i>Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.</i></p> <p>3. <i>Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại.</i></p> <p>4. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại bị xem xét chấm dứt hoạt động khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thật dẫn đến việc đánh giá sai lệch việc đáp ứng điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại;</p> <p>b) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại bị bắt buộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp chi nhánh có chênh lệch thu chi trong 03 năm liên tiếp âm, trừ các trường hợp sau:</p> <p>a) Trụ sở chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại thành lập tại vùng nông thôn;</p> <p>b) Chi nhánh mới đi vào hoạt động trong 03 năm đầu.</p> <p>6. Chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại bị bắt buộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước,</p>	<p>hợp với việc phân cấp thẩm quyền chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện và đơn vị sự nghiệp (giao thẩm quyền cho Giám đốc NHNN chi nhánh Khu vực tại Điều 4 Thông tư số 61).</p>
---	---	--

<p>trong nước, phòng giao dịch khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>6. Căn cứ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại có văn bản nêu rõ lý do gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại.</p> <p>7. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định tại khoản 6 Điều này hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p> <p>8. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản theo quy định tại khoản 7 Điều này, ngân hàng thương mại phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại ngày chấm dứt hoạt động.</p>	<p>phòng giao dịch khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>7. Căn cứ các trường hợp quy định tại <i>khoản 4, 5, 6</i> Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại:</p> <p>a) Có văn bản nêu rõ lý do gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại;</p> <p>b) <i>Có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</i></p> <p>8. Trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định tại khoản 7 Điều này hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện các trường hợp quy định tại <i>khoản 4, 5, 6</i> Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch.</p> <p>9. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản theo quy định tại khoản 7 Điều này, ngân hàng thương mại phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại ngày chấm dứt hoạt động.</p>	
	<p><b>Điều 53. Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 61/2025/TT-NHNN</b>  <i>Thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 61/2025/TT-NHNN bằng Phụ lục ban hành kèm theo</i></p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính 28 Mục I Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p>

		<p><i>Thông tư này.</i></p> <p><b>Cụ thể:</b></p> <p>- <i>Bỏ một số thông tin cần cung cấp tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể: Thông tin về Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, ban kiểm soát, tổng giám đốc tại điểm 1.4 và điểm 2.4 Mục II Phụ lục I về Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, ban kiểm soát, tổng giám đốc;</i></p> <p>- <i>Sửa điểm 1.5 và 2.5 Mục II Phụ lục 1 như sau:</i></p> <p><i>“1.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật; theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng liền trước tính từ thời điểm đề nghị.</i></p> <p>a. Đảm bảo <input type="checkbox"/>                      b. Không đảm bảo <input type="checkbox"/></p> <p><i>2.5. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật; theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng liền trước tính từ thời điểm đề nghị.</i></p> <p>a. Đảm bảo <input type="checkbox"/>                      b. Không đảm bảo <input type="checkbox"/> ”</p>	
		<p style="text-align: center;"><b>Chương XIV</b></p> <p style="text-align: center;"><b>PHÂN CẤP THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG</b></p>	

		<p><b>Điều 54. Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng</b></p> <p>Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phân cấp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đối với công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính trên địa bàn theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.</p>	<p>Căn cứ phương án tại Thủ tục hành chính tại Mục II Phụ lục II, Mục II Phụ lục III Công văn số 954/VP2.</p>
--	--	--	---